

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Ý YÊN
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 24-8-2020

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Ý YÊN, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Ngọc Bích

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trọng Tảo

2. Bà Trương Thị Dung

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Mạnh Thắng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

Ngày 24 tháng 8 năm 2020, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Ý Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 164/2020/TLST - HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 164/2020/QĐXXST - HNGĐ, ngày 14 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Dương Thành C - Sinh năm: 1986.

Bị đơn: Chị Tạ Thị T – Sinh năm 1990.

Cùng địa chỉ: Tổ 2, thị trấn L, huyện Y, tỉnh N.

Tại phiên tòa: Anh C và chị T vắng mặt (anh C, chị T xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/7/2020, bản tự khai đề ngày 28/7/2020, nguyên đơn Anh Dương Thành C trình bày:

Anh kết hôn với Chị Tạ Thị T năm 2011, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn L, huyện Y, tỉnh N. Sau khi kết hôn anh, chị chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, hay xảy ra cãi vã to tiếng. Gia đình anh và gia đình chị T có hàn gắn tình cảm cho anh chị nhưng không thành. Anh và chị T đã sống ly thân 01 năm nay. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn chị T.

Về con chung: Anh và chị T có 03 con chung là Dương Yên N, sinh ngày 27/12/2011; Dương Thị Phương C, sinh ngày 10/7/2015; Dương Xuân P, sinh ngày 15/4/2018. Anh đề nghị chị T nuôi cháu C và cháu P, anh nuôi cháu N. Anh cấp dưỡng nuôi cháu C mỗi tháng 700.000 đồng, không phải cấp dưỡng nuôi cháu P, không đề nghị chị T cấp dưỡng nuôi cháu N.

Về tài sản chung và các vấn đề khác có liên quan trong quan hệ hôn nhân: Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Theo Bản tự khai đề ngày 28/7/2020, bị đơn Chị Tạ Thị T trình bày:

Về thời gian và điều kiện kết hôn, chị T trình bày phù hợp với lời khai của anh C. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc được 08 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do Anh C đi ngoại tình, có con riêng, bỏ bê con cái, không quan tâm đến vợ con. Chị và Anh C bất đồng quan điểm sống, hay xảy ra cãi vã. Chị xác định không còn tình cảm với Anh C nhưng không đồng ý ly hôn với anh C, để Anh C giải quyết ly hôn đơn phương.

Về con chung: Chị T xác nhận anh chị có 03 con chung như Anh C đã trình bày. Chị đề nghị được nuôi cháu C và cháu P, để cho Anh C nuôi cháu N. Chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh C, đề nghị Anh C cấp dưỡng nuôi cháu C mỗi tháng 700.000 đồng, không yêu cầu Anh C cấp dưỡng nuôi cháu P.

Về tài sản chung và các vấn đề khác có liên quan trong quan hệ hôn nhân: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Theo Đơn đề nghị đề ngày 10/8/2020, bà Trương Thị L (mẹ đẻ anh C) cho biết:

Về thời gian và điều kiện kết hôn của anh C, chị T, bà trình bày phù hợp với lời khai của anh C. Sau khi kết hôn anh C, chị T sống với nhau hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng qua điểm sống, tính tình không hợp nhau. Gia đình bà đã nhiều lần hàn gắn, vun vén cho anh C, chị T nhưng không thành. Hiện nay anh chị đã sống ly thân 01 năm nay.

Về con chung: Anh C, chị T có 03 con chung là Dương Yên N, sinh ngày 27/12/2011; Dương Thị Phương C, sinh ngày 10/7/2015; Dương Xuân P, sinh ngày 15/4/2018.

Bà đề nghị việc ly hôn cũng như vấn đề con chung của anh C, chị T để cho anh chị tự giải quyết, gia đình bà không can thiệp, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh C, chị T cùng xin giải quyết vắng mặt. Chị T, Anh C có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên sau khi mở phiên họp

kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ Toà án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa:

Chủ tọa phiên tòa công bố nội dung đơn của anh C, chị T đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt. Vụ án được xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về con chung khi ly hôn” do nguyên đơn Anh Dương Thành C thực hiện quyền khởi kiện. Bị đơn Chị Tạ Thị T có nơi cư trú tại tổ 2, thị trấn L, huyện Y, tỉnh N nên căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

Về việc vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án anh C, chị T đều có đề nghị xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại các Điều 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung: Hôn nhân giữa anh C, chị T được xác lập vào năm 2011, đăng ký kết hôn tại UBND xã thị trấn L, huyện Y, tỉnh N là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh, chị chung sống hạnh phúc được 08 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, hay xảy ra cãi vã, to tiếng. Chị T cho rằng Anh C ngoại tình, có con riêng với người khác. Anh chị đã sống ly thân 01 năm nay. Anh C xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn chị T, chị T mặc dù không còn tình cảm với Anh C nhưng không đồng ý ly hôn, chị muốn Tòa án giải quyết ly hôn đơn phương. Xét thấy quan hệ hôn nhân của anh, chị đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Anh C xử cho anh C, chị T ly hôn là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Anh C, chị T có 03 con chung là Dương Yến N, sinh ngày 27/12/2011; Dương Thị Phương C, sinh ngày 10/7/2015; Dương Xuân P, sinh ngày 15/4/2018. Chị T đề nghị được nuôi cháu C và cháu P, để cho Anh C nuôi cháu N. Chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng Anh C và đề nghị Anh C cấp

dưỡng nuôi cháu C mỗi tháng 700.000 đồng, không yêu cầu Anh C cấp dưỡng nuôi cháu P. Anh C cũng đồng ý với quan điểm của chị T.

Xét nguyện vọng của anh C, chị T đã thống nhất việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung. Vì vậy nên giao cháu N cho Anh C trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu C và cháu P cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh C cấp dưỡng nuôi cháu C mỗi tháng 700.000 đồng, không phải cấp dưỡng nuôi cháu P, chị T không cấp dưỡng nuôi cháu N là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về tài sản chung và các vấn đề khác trong hôn nhân: Anh C, chị T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[5]. Về án phí: Anh C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6]. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Điều 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ và các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 147, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa Anh Dương Thành C và chị Tạ Thị T.

2. Về con chung: Giao con chung Dương Yến N, sinh ngày 27/12/2011 cho Anh C trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung Dương Thị Phương C, sinh ngày 10/7/2015; Dương Xuân P, sinh ngày 15/4/2018 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi cháu N. Anh C cấp dưỡng nuôi cháu C mỗi tháng 700.000 đồng kể từ tháng 9/2020 cho đến khi cháu C trưởng thành và tự lập được. Anh C không phải cấp dưỡng nuôi cháu P.

Anh C, chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Anh C, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí:

Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh C phải nộp là 300.000 đồng. Đối trừ với số tiền 300.000 đồng Anh C đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0001484, ngày 27/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ý Yên. Anh C đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Án phí cấp dưỡng nuôi con chung: Anh C phải nộp 300.000 đồng.

5. Về quyền kháng cáo của đương sự: Anh Dương Thành C và Chị Tạ Thị T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh: 01 bản;
- VKSND Tỉnh+Huyện: 02 bản;
- Chi cục Thi hành án dân sự: 01 bản;
- Các đương sự: 02 bản;
- UBND thị trấn L: 01 bản;
- Hồ sơ vụ án: 01 bản;
- Lưu VP.

Bùi Thị Ngọc Bích